

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2024

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hai.

2. Bà Lê Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 0749/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Quách H (Q.P.H), sinh năm 1954 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh V.

Bị đơn: Bà Thạch Thị Kim D, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường B, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Quách H (Q.P.H) trình bày:

Năm 2008, Ông Quách H (Q.P.H) (viết tắt là ông H) và bà Thạch Thị Kim D (viết tắt là bà D) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Ông H, bà D sống ly thân. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống cho hai người, ông H yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: ông H khai không có.

Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà D không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà D vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông H có lời khai xin vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu. Bà D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 91 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H; về con chung, tài sản chung, nợ chung: ông H khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu của ông H về việc ly hôn với bà D, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của ông H, có cơ sở xác định ông H và bà D tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ kết quả xác minh ngày 02/10/2023 của Công an Phường M, quận N: bà Thạch Thị Kim D có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số A, đường B, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện bán nhà đi đâu không rõ địa chỉ. Do bà D thường trú tại quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà D là bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà D vắng mặt, nguyên đơn ông H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 1479, quyển số 05, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/4/2008, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông Quách H (Q.P.H) và bà Thạch Thị Kim D là hợp pháp. Theo ông H trình bày, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên không tìm được tiếng nói chung là nguyên nhân chính làm cho cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc. Ông và bà D đã ly thân. Ông H vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà D.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hai bên phải cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng bà D không đến Tòa trình bày nguyên nhân, những giải pháp tích cực để gia đình đoàn tụ. Nay ông H kiên quyết ly hôn, dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải và động viên nhưng ông H vẫn giữ yêu cầu ly hôn.

Căn cứ công văn số 289/UBND ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận N, về việc trả lời văn bản số 1542/2023/TAPN ngày 04/10/2023 cho Tòa án quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nội dung như sau: Ông Quách H và bà Thạch Thị Kim D không còn cư trú tại địa chỉ Số A, đường B, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Quách H và bà Thạch Thị Kim D đã bán nhà chuyển đi khỏi địa phương nên Ủy ban nhân dân Phường M không có thông tin về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa ông H và bà D.

Như đã phân tích phần trên, cuộc sống vợ chồng không còn sự yêu thương, tôn trọng và mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đôi bên không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: ông H khai không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông H chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Quách H (Q.P.H).

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Quách H (Q.P.H) ly hôn với bà Thạch Thị Kim D.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Quách H (Q.P.H) khai không có.

2/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng Ông Quách H (Q.P.H) chịu, được trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng Ông Quách H (Q.P.H) tạm nộp theo biên lai thu số AA/2023/0022276 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.N;
- CCTHADS Q.N;
- UBND Tp.HCM;
- số 1479, quyển số 05, ngày 23/4/2008;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Kim Phụng